

Số: 16/CBTT-SDG.2024

Cần Thơ, ngày 29 tháng 08 năm 2024

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ

Kính gửi: Sở Giao Dịch Chứng Khoán Hà Nội.

Thực hiện quy định tại khoản 3 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, CTCP SADICO Cần Thơ thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính (BCTC) Sáu tháng đầu năm 2024 như sau:

1. Tên tổ chức: CÔNG TY CỔ PHẦN SADICO CẦN THƠ

- Mã chứng khoán: SDG
- Địa chỉ: 366E CMT8, P. Bùi Hữu Nghĩa, Q. Bình Thủy, TP. Cần Thơ.
- Điện thoại liên hệ: 0292 3884919 - E-mail: sdccantho@gmail.com

2. Nội dung thông tin công bố:

- Báo cáo tài chính Sáu tháng đầu năm 2024

☐ BCTC riêng (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc);

☐ BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con);

☐ BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng).

- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:

+ Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC (đối với BCTC được kiểm toán sáu tháng đầu năm 2024):

☐ Có

☒ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☐ Có

☒ Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại (đối với BCTC được kiểm toán sáu tháng đầu năm 2024):

☒ Có

☐ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☒ Có

☐ Không

+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:

☒ Có

☐ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☒ Có

☐ Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:

☐ Có

☒ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☐ Có

☒ Không

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 29/08/2024 tại đường dẫn website: www.sadico.com.vn.

3. Báo cáo về các giao dịch có giá trị từ 35% tổng tài sản trở lên trong năm 2023: không
Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố.

*** Tài liệu đính kèm:**

Báo cáo tài chính Sáu tháng đầu năm 2024.

Văn bản giải trình.

Bảng dữ liệu Kết quả kinh doanh so sánh với cùng kỳ.

Nơi nhận :

- Như trên;
- P.TCHC, P.KT;
- Website Công ty.

Đại diện tổ chức

Người đại diện theo pháp luật/Người UQCBTT


Mai Công Toàn

CÔNG TY CỔ PHẦN
SADICO CẦN THƠ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 17/CBTT-SDG.2024

Cần Thơ, ngày 29 tháng 08 năm 2024

V/v giải trình BCTC Sáu tháng
đầu năm 2024

Kính gửi: Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước;
Sở Giao Dịch Chứng Khoán Hà Nội.

Căn cứ Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, CTCP SADICO Cần Thơ thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính (BCTC) Sáu tháng đầu năm 2024 như sau:

Căn cứ Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh tại Báo cáo tài chính Sáu tháng đầu năm 2024 của Công ty Cổ phần Sadico Cần Thơ.

- Theo Báo cáo tài chính Sáu tháng đầu năm 2024, lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi **trên 10%** so với báo cáo cùng kỳ năm trước (Chi tiết tại bảng 1) và thay đổi **trên 5%** so với báo cáo sau kiểm toán (Chi tiết tại bảng 2).

* Giải trình nguyên nhân thay đổi trên 10%: trước áp lực cạnh tranh của ngành bao bì, sức mua sản phẩm chính giảm mạnh, dẫn đến doanh thu sáu tháng đầu năm 2024 giảm so với cùng kỳ. Các khoản chi phí trong kỳ có tăng giảm song không đáng kể, kết quả chung là lợi nhuận sau thuế tại kỳ báo cáo giảm 82% so với cùng kỳ năm 2023.

* Giải trình nguyên nhân thay đổi trên 5%: trong kỳ phát hiện sai sót nên trình bày lại chỉ tiêu giá vốn hàng bán, dẫn đến lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán trên 5%.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố.

Nơi nhận :

- Như trên;
- P.TCHC, P.KT;
- Website Công ty.

CHỦ TỊCH HĐQT
CÔNG TY CỔ PHẦN
SADICO
CẦN THƠ
M.S.D.N.: 18000...
Q. BÌNH THỦY - TP. CẦN THƠ
Mai Công Toàn

1. BẢNG DỮ LIỆU KẾT QUẢ KINH DOANH
SO SÁNH VỚI CÙNG KỲ

ĐVT : đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Sáu tháng đầu năm 2024		So sánh	Tỷ lệ kỳ này/ kỳ trước
			Năm nay	Năm trước	Giá trị	
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	86.110.209.715	101.250.212.608	(15.140.002.893)	-15%
2. Các khoản giảm trừ	02		3.978.000	867.961	3.110.039	
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		86.106.231.715	101.249.344.647	(15.143.112.932)	
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	77.777.202.362	80.100.457.322	(2.323.254.960)	-3%
5. Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		8.329.029.353	21.148.887.325	(12.819.857.972)	
6. Doanh thu hoạt động TC	21	VI.3	7.248.487.173	10.829.286.131	(3.580.798.958)	
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	2.719.630.179	1.847.020.796	872.609.383	
- Trong đó : Chi phí lãi vay	23		2.719.630.179	1.847.020.796	872.609.383	
8. Phần lãi lỗ trong công ty liên doanh liên kết	24					
9. Chi phí bán hàng	25	VI.5	1.482.233.592	1.705.913.794	(223.680.202)	-13%
10. Chi phí quản lý DN	26	VI.6	7.965.007.800	7.252.810.864	712.196.936	10%
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		3.410.644.955	21.172.428.002	(17.761.783.047)	
12. Thu nhập khác	31	VI.7	86.363.636	60	86.363.576	
13. Chi phí khác	32	VI.8	104.143.353	24.715.174	79.428.179	
14. Lợi nhuận khác	40		(17.779.717)	(24.715.114)	6.935.397	
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		3.392.865.238	21.147.712.888	(17.754.847.650)	
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.10		2.421.085.646	(2.421.085.646)	
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52					
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		3.392.865.238	18.726.627.242	(15.333.762.004)	-82%

2. BẢNG DỮ LIỆU KẾT QUẢ KINH DOANH
SO SÁNH VỚI CÙNG KỲ

ĐVT : đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Sáu tháng đầu năm 2024		So sánh	
			Sau kiểm toán	Trước kiểm toán	Giá trị	Tỷ lệ kỳ này/ kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	86.110.209.715	86.110.209.715		
2. Các khoản giảm trừ	02		3.978.000	3.978.000		
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		86.106.231.715	86.106.231.715		
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	77.777.202.362	78.746.722.366	(969.520.004)	-1%
5. Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		8.329.029.353	7.359.509.349	969.520.004	
6. Doanh thu hoạt động TC	21	VI.3	7.248.487.173	7.248.487.173		
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	2.719.630.179	2.719.630.179		
- Trong đó : Chi phí lãi vay	23		2.719.630.179	2.719.630.179		
8. Phần lãi lỗ trong công ty liên doanh liên kết	24					
9. Chi phí bán hàng	25	VI.5	1.482.233.592	1.482.233.592		
10. Chi phí quản lý DN	26	VI.6	7.965.007.800	7.965.007.800		
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		3.410.644.955	2.441.124.951	969.520.004	
12. Thu nhập khác	31	VI.7	86.363.636	136.363.636	(50.000.000)	
13. Chi phí khác	32	VI.8	104.143.353	104.143.353		
14. Lợi nhuận khác	40		(17.779.717)	32.220.283	(50.000.000)	
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		3.392.865.238	2.473.345.234	919.520.004	
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.10				
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52					
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		3.392.865.238	2.473.345.234	919.520.004	37%